

Bản án số: 24/2023/HS-PT

Ngày: 20-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Chấn.

Các Thẩm phán:

- Ông Phạm Tấn Tài;
- Ông Hoàng Ngọc Linh.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Chu Xuân Tùng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**

Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kiều T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 02/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2022/QĐXXPT-HS ngày 08/3/2023:

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1992; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: khóm P, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo Hoà Hảo; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Cha: Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1960; Mẹ: Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1960 (đã chết); Anh, chị, em ruột: 05 người, bị cáo là người nhỏ nhất trong gia đình; Chồng: Võ Ngọc N, sinh năm 1990 (đã chết); con có 01 người, sinh năm 2011.

- Tiền án, tiền sự: không;
- Bị cáo được cho tại ngoại;
- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kiều T:**

Ông Hà Quang Vân, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang. (có mặt)

* Bị hại: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993; (đã chết)

Nơi cư trú: khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

* *Đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn Đ:*

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1972; (vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị G, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

(Ngoài ra trong vụ án này đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 30/01/2022, sau khi uống rượu, bia say, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số: 51V1 - 8211 của Đ chở Nguyễn Thị Kiều T là người sống chung như vợ chồng với Đ nhưng không đăng ký kết hôn, đi từ xã T, huyện T, tỉnh An Giang về nhà Đ tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Trên đường về, T thấy Đ đã say rượu, điều khiển xe loạng choạng nên T kêu Đ dừng xe lại ra phía sau ngồi để T điều khiển xe mô tô biển số: 51V1 - 8211 chở Đ về nhà mặc dù T không có giấy phép lái xe theo quy định. T điều khiển xe mô tô biển số: 51V1 - 8211 chở Đ trên đường Tỉnh lộ 941 theo hướng Tri Tôn - Lộ Tẻ; khi đến khu vực ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, Đ ngồi phía sau dùng tay sờ, bóp bộ phận nhạy cảm trên cơ thể của T, nên T nói với Đ “*anh sờ bóp vậy hoài làm sao em chạy được*” và kêu Đ điều khiển xe, T sẽ ra phía sau xe ngồi cho Đ chở nhưng Đ không đồng ý. T tiếp tục điều khiển xe chở Đ thì Đ tiếp tục dùng tay sờ, bóp vùng nhạy cảm trên cơ thể của T, T tức giận đạp phanh (thắng) chân và bóp phanh (thắng) tay bên phải làm xe dừng lại đột ngột, Đ mất thăng bằng té ngã xuống đường bị thương nặng được Phạm Văn Muôn và Phan Văn Nhà đưa đi cấp cứu nhưng Đ đã chết trên đường đi cấp cứu.

* *Vật chứng thu giữ:* 01 xe mô tô biển số: 51V1 - 8211, nhãn hiệu: Honda, loại: Wave Alpha, màu sơn: xanh, số máy: HC09E0420527, số khung: RLHHC09023Y420863 cùng giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Triệu Lâm Dung Hạnh.

* **Căn cứ Bản kết luận định pháp y về tử thi số 19/22/TT ngày 30/01/2022 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế An Giang, kết luận:** Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1993, địa chỉ: khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Chảy máu lỗ tai trái.

+ Gãy xương hàm trên, dập rách lưỡi.

+ Vết thương hàm phải - cằm - hàm trái dài 14 cm, gãy hở phức tạp xương hàm dưới, vỡ khí quản.

+ Bầm tụ máu dưới da lan tỏa vùng thái dương trái.

+ Nứt sọ thái dương trái hướng xuống sán sọ dài 12 cm.

+ Máu tụ dưới màng cứng bán cầu trái, dập phù não.

2. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não nặng, vỡ sán sọ, máu tụ dưới màng cứng, dập phù não.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Kiều T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp như nội dung vụ án nêu trên. Khi T điều khiển xe chở Đ thì Đ nhiều lần dùng tay sờ, bóp bộ phận nhạy cảm trên cơ thể của T nên T tức giận đập phanh (thắng) chân và bóp phanh (thắng) tay bên phải nhằm mục đích cho xe dừng lại để Đ điều khiển chở T, nhưng đã làm Đ té ngã xuống đường chết.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKSCT-HS ngày 03/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kiều T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang, quyết định:

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kiều T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kiều T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2022 bị cáo Nguyễn Thị Kiều T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Kiều T khai nhận hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm truy tố, xét xử, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, với lý do hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, đang nuôi con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kiều T có nội dung yêu cầu rõ ràng, gửi trong hạn luật định, nên đủ cơ sở chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; cùng các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Thị Kiều T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” điểm a khoản 2 Điều 260 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã xuất trình Biên nhận tiền nội dung bị cáo đã bồi thường 15.000.000 đồng cho đại diện hợp pháp của bị hại là Nguyễn Văn K và cung cấp đơn của ông K xin cho bị cáo được hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đang nuôi con chưa thành niên và sống chung như vợ chồng với bị hại, việc xảy ra sự việc là ngoài ý muốn; có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian được tại ngoại không có vi phạm pháp luật gì mới, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kiều T; Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt. Đề nghị xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Kiều T cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Thị Kiều T nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Kiều T khai nhận thực hiện hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của người đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; cùng các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị Kiều T không có giấy phép lái xe theo quy định, đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 51V1 – 8211 đập phanh (thắng) chân và bóp phanh (thắng) tay để xe dừng đột ngột, không đảm bảo an toàn, gây tai nạn giao thông làm bị hại Nguyễn Văn Đ té xuống đường dẫn đến tử vong.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Thị Kiều T về tội “Vi phạm quy định về giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kiều T thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Thị Kiều T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo phải hiểu được việc điều khiển phương tiện tham gia giao thông là nguồn

nguy hiểm cao độ nó có thể gây ra nguy hại cho người và tài sản bất cứ lúc nào nếu không tuân thủ, chấp hành pháp luật. Bản thân bị cáo chưa có giấy phép lái xe theo quy định, không đủ điều kiện để tham gia giao thông đường bộ nhưng vẫn bất chấp, không tuân thủ để tham gia giao thông. Lẽ ra, khi bị hại dùng tay sờ, bóp bộ phận nhạy cảm trên cơ thể của bị cáo, thì bị cáo có thể dừng lại hoặc lựa chọn cách xử lý khác cho phù hợp nhưng bị cáo không làm được điều đó mà không kiềm chế được sự tức giận của bản thân, bị cáo liền đạp phanh thắng chân và bóp phanh thắng tay bất ngờ cùng một lúc khi đang điều khiển xe, làm cho bị hại Đ ngồi đằng sau mất thăng bằng, té ngã xuống đường và tử vong.

Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, không những vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, ảnh hưởng đến sự an toàn của hoạt động giao thông vận tải do Nhà nước thiết lập để duy trì sự ổn định và phát triển xã hội mà còn gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác, gây ra đau thương mất mát cho gia đình nạn nhân mà không có gì có thể bù đắp được. Do đó, cần xử phạt bị cáo với một mức án nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều T 03 năm tù là phù hợp, thỏa đáng, đúng pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Lẽ ra, cần giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm tuyên phạt. Tuy nhiên, xét thấy tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn; là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con chưa thành niên; bị cáo và bị hại sống chung như vợ chồng. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã tiếp tục bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho đại diện hợp pháp của bị hại; đồng thời đại diện hợp pháp của bị hại cũng làm đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo được chính quyền địa phương xác nhận; trong thời gian được tại ngoại bị cáo không có vi phạm pháp luật gì mới; có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, mà buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có cân nhắc và quyết định chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo như Đại diện Viện kiểm sát và Trợ giúp viên pháp lý đề nghị.

[4] Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kiều T được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kiều T xin hưởng án treo.

Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kiều T 03 (ba) năm tù, về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày 20/3/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kiều T cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị Kiều T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thị Kiều T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- TAND huyện C;
- CQCSĐT huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Tòa Hình sự;
- PV 06 - Công an tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Chấn